

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 4 – 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Nguyễn Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 741/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy, bà D cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T (nữ) sinh ngày 06/12/1987 và Nguyễn Trường H1 (nam) sinh ngày 01/01/1990. Hai cháu hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H cư trú tại ấp F, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn Nguyễn Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, thông báo tố tụng theo quy định pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thanh H nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của ông bà là phù hợp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình sống chung, bà D cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Diệu đối V ông Nguyễn Thanh H. Cho bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo biên lai thu số 0007469 lập ngày 13/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- UBND xã Hoà Mỹ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lữ Thành Đồng